

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/LĐ-ST
Ngày: 21- 02- 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động vô hiệu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Phạm Thị Thu Yên – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 394/2024/TLST-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Bích N, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH G; trụ sở: Số A, Đường số E, Khu S, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Kiều H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A, đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.2. Bà Hà Thị S, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu E, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị Bích N trình bày:

Vào tháng 10/2010, bà Hà Thị S (dì của bà N) đã lấy một bộ hồ sơ xin việc mang tên bà N để xin vào làm việc tại Công ty TNHH G. Bà S và Công ty TNHH G đã ký kết hợp đồng lao động mang tên bà Hà Thị Bích N. Bà S đã làm cho Công ty TNHH G và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với mã số bảo hiểm xã hội 7410294748 cho đến tháng 6/2011 thì thôi việc.

Sau khi nghỉ việc một thời gian thì tháng 5/2013, bà S tiếp tục dùng hồ sơ xin việc mang tên bà Hà Thị Bích N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với mã số bảo hiểm 7413148043, đến tháng 4/2014 thì thôi việc.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời gian nêu trên bà N cũng làm việc và đóng bảo hiểm xã hội tại một công ty khác nên cùng một khoảng thời gian bà N đóng bảo hiểm tại 02 Công ty nên bà N không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH G và bà Hà Thị S dưới danh nghĩa mang tên Hà Thị Bích N từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2011 và từ tháng 5/2013 đến tháng 4/2014 vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; Xác nhận thông tin cư trú; Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH G Thông Dụng: Bà Lê Thị Kiều H trình bày:

Qua kiểm tra thông tin về người lao động làm việc tại Công ty TNHH G thể hiện bà Hà Thị Bích N trước đây có làm việc tại Công ty TNHH G Thông Dụng từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2011 thì nghỉ việc. Sau đó tháng 05/2013 quay lại Công ty TNHH G làm việc đến tháng 04/2014.

Trong suốt thời gian này, Công ty TNHH G đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chi trả tiền lương, bảo hiểm xã hội cho người lao động. Cơ quan chức năng và người lao động không có bất kỳ ý kiến gì đối với Công ty TNHH G. Đến nay khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo, Công ty TNHH G mới biết sự việc bà Hà Thị S đã dùng chứng minh nhân dân của bà Hà Thị Bích N để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH G. Trong sự việc này, lỗi thuộc về người lao động vì đã có hành vi cố ý giả mạo người khác để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH G. Hiện nay người lao động nghỉ việc nhiều năm nên Công ty TNHH G không thể thực hiện đối chứng và cũng không còn lưu trữ hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án.

Nay, bà Hà Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH G và bà Hà Thị Bích N (do Hà Thị S là người ký kết) trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH G Thông Dụng bị vô hiệu thì Công ty TNHH G Thông Dụng không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH G không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị S trình bày:

Vào tháng 10 năm 2010 bà vào Công ty TNHH G làm việc. Khi đến Công ty làm việc bà cung cấp hồ sơ xin việc mang tên bà Hà Thị Bích N để xin vào làm việc tại Công ty TNHH G. Bà và Công ty TNHH G đã ký kết hợp đồng lao động mang tên bà Hà Thị Bích N và Công ty TNHH G đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định của pháp luật với mã số bảo hiểm xã hội 7410294748 cho đến tháng 6/2011 thì bà nghỉ việc.

Sau khi nghỉ việc một thời gian thì tháng 5/2013, bà tiếp tục dùng hồ sơ xin việc mang tên bà Hà Thị Bích N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với mã số bảo hiểm 7413148043, đến tháng 4/2014 thì bà nghỉ việc.

Lý do bà lấy hồ sơ của bà N để xin việc làm là vì thời điểm đó bà N đã làm việc tại Công ty TNHH G, nhưng sau đó bà N nghỉ việc tại Công ty T1 về quê, bà thấy vậy nên tiện lấy luôn hồ sơ của bà N để tiếp tục xin việc tại Công ty TNHH G. Do lúc đó bà không biết việc mượn hồ sơ của người khác để xin việc là bị pháp luật nghiêm cấm.

Nay, bà Hà Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH G thông dụng và bà Hà Thị S dưới danh nghĩa mang tên Hà Thị Bích N từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2011 và từ tháng 5/2013 đến tháng 4/2014 vô hiệu thì bà đồng ý và bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Công ty TNHH G có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) cho bà Hà Thị Bích N, sinh ngày 17/3/1977, số chứng minh nhân dân 131662211, mã số Bảo hiểm xã hội 7410294748. Thời gian tham từ tháng 10/2010 đến tháng 06/2011, đã được BHXH tỉnh B xác nhận chốt ngày 23/5/2014, nhưng chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp; mã số Bảo hiểm xã hội 7413148043. Thời gian tham từ tháng 05/2013 đến tháng 04/2014, đã được BHXH tỉnh B xác nhận chốt ngày 27/6/2014, nhưng chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Hà Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH G và bà Hà Thị Bích N (do bà Hà Thị S là người ký kết) bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH G; trụ sở: Số A, Đường số E, Khu S, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Hà Thị Bích N; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH G; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, bà Hà Thị S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 10 năm 2010 giữa Công ty TNHH G và bà N (thực tế bà S ký hợp đồng lao động); công việc của bà S tại công ty là công nhân. Bà S làm việc tại công ty đến tháng 06 năm 2011 thì nghỉ việc; tháng 05/2023 bà S lại tiếp tục quay trở lại công ty làm việc đến tháng 4/2014. Thời gian bà S làm việc tại công ty, công ty Đ bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi bà S đến công ty làm việc, bà S cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là bà Hà Thị Bích N do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty TNHH G đều thể hiện tên Hà Thị Bích N, vì vậy hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Hà Thị Bích N mà không phải là Hà Thị S. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Hà Thị S dùng nhân thân của bà Hà Thị Bích N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 06 năm 2011 và giai đoạn từ tháng 05/2023 đến tháng 4/2014 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Hà Thị Bích N và người sử dụng lao động Công ty TNHH G từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 06 năm 2011 và giai đoạn từ tháng 05/2023 đến tháng 4/2014 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của bà Hà Thị S do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Hà Thị Bích N tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Bích N về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty TNHH G.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Hà Thị Bích N và Công ty TNHH G Thông Dụng từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 06 năm 2011 và giai đoạn từ tháng 05/2013 đến tháng 4/2014 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Hà Thị Bích N theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Bích N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005354 ngày 04/11/2024 (do ông Lê Đức T nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

